

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2026
Hanoi, October, 20th 2026

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng /Current position in the public company: **Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Manager**

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/Information of internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund):

- Họ và tên người nội bộ/Name of internal person:
- Quốc tịch/Nationality:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ID card/Passport No.:
- Địa chỉ thường trú/Permanent address:
- Điện thoại liên hệ/Telephone: Fax: Email:
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/Current position in the public company, the fund management company:
- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/Relationship of individual/organization executing the transaction with the internal person:
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/Number, ownership percentage of shares/fund certificates held by the internal person (if any):

3. Mã chứng khoán giao dịch/Securities code: **CLI**

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/Trading accounts having shares/fund certificates mentioned at item 3 above: **Cổ phiếu chưa lưu ký/ Undeposited shares.**

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua cổ phiếu/Number, ownership percentage of shares held before the transaction of executing rights of purchase shares: **170.011 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,19%/ 170.011 shares, accounting for 0,19%.**

6. Số lượng trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi)/Number of convertible bonds before the transaction (in case of trading convertible bonds or rights to buy convertible bonds):

7. Số lượng quyền mua cổ phiếu trước giao dịch/Number of rights to buy shares before the transaction: **34.002 quyền mua / 34.002 rights to purchase shares**

8. Tỷ lệ thực hiện quyền mua /Percentage of executing the rights to purchase: **100:20 (100 cổ phiếu được hưởng 20 quyền, 01 quyền được mua 01 cổ phiếu mới) / 100:20 (100 shares entitle the holder to 20 rights; 1 right allows the purchase of 1 new share).**

9. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/Number of rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds (for the transaction of convertible bonds) registered to purchase/sell/present/be presented/ donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:

- Loại giao dịch đăng ký thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be

presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred): **Mua (thực hiện quyền mua) / Purchase (exercise purchase right).**

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) đăng ký thực hiện/*Number of registered rights to buy (for the transaction of rights to buy)*: **34.002 quyền mua / 34.002 rights to purchase shares**

10. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu) đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of traded rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds (for the transaction of convertible bonds) to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred*:

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/*Type of transaction executed (to purchase/ sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred)*: **Mua (thực hiện quyền mua) / Purchase (exercise purchase right)**

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) đã thực hiện/*Number of executed rights to buy (for the transaction of rights to buy)*: **34.002 quyền mua / 34.002 rights to purchase shares**

11. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá hoặc giá phát hành)/*The value of executed transaction (calculated based on par value or issuing price)*: **340.020.000 đồng/VND**

12. Số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua /*Number of shares expected to hold after exercising the right to buy*: **204.013 cổ phiếu / 204.013 shares.**

13. Phương thức giao dịch/*Method of transaction*: **Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu tại tổ chức phát hành / Exercising the right to purchase additional shares issued to existing shareholders at the issuing organization.**

14. Thời gian thực hiện giao dịch/*Trading time*: Ngày **19/10/2026/October 19th, 2026**

15. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/*The reason for not completing the transaction (in case all of the registered amount not being executed)*:

Trường hợp báo cáo kết quả giao dịch chuyển nhượng quyền cần gửi kèm tài liệu xác nhận giá trị giao dịch chuyển nhượng quyền/*In case of reporting the result of right transfer, documents certifying the value of right transfer shall have to be attached.*

Nơi nhận:

Recipients:

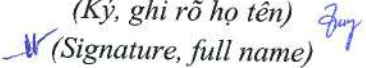
- Như trên/*As stated above*;

- Lưu/*Archived*.

CÁ NHÂN BÁO CÁO

REPORTING INDIVIDUAL

(Ký, ghi rõ họ tên)

 (Signature, full name)



ĐINH THỊ THU HÀ

DINH THI THU HA